

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
TOT PHARMA**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
TOT PHARMA**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
TOT PHARMA**

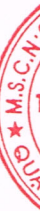
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 18





## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TOT PHARMA

13 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên TOT Pharma (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Văn Toàn	Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Giám đốc
Ông Đoàn Đình Duy Khương	Thành viên
Ông Lâm Diệu Phi	Thành viên

### TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Lê Văn Toàn  
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

1001  
CH  
C  
RÁCH  
DE  
VI  
VI-

Số: 474 /VN1A-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên TOT Pharma**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên TOT Pharma (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2017, từ trang 4 đến trang 18, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2500-C  
NHÂN  
NG T  
HIỆM H  
OIT V  
T N  
P. HỒ



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán độc lập phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2016 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Võ Thái Hòa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0138-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

*Ngày 20 tháng 3 năm 2017*

*Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam*

**Vòng Mỹ Thanh**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 3460-2015-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>53.878.017.703</b>	<b>53.624.586.622</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>14.811.428.701</b>	<b>14.393.490.321</b>
1. Tiền	111	4	14.811.428.701	14.393.490.321
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>731.000.000</b>	<b>605.100.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	731.000.000	605.100.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>38.335.589.002</b>	<b>32.027.875.623</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	38.672.395.930	32.459.410.049
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	28.981.327	31.604.553
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		164.184.180	50.451.364
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(529.972.435)	(513.590.343)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	-	<b>6.556.762.342</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	6.566.669.972
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(9.907.630)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	<b>41.358.336</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	41.358.336
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		-	<b>585.509.675</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	<b>427.707.700</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	-	427.707.700
- Nguyên giá	222		-	1.660.820.592
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	(1.233.112.892)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>157.801.975</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	157.801.975
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>53.878.017.703</b>	<b>54.210.096.297</b>

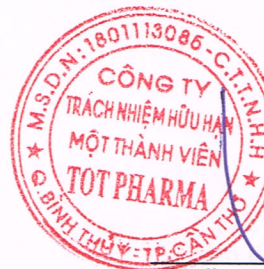



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>19.808.795.772</b>	<b>46.681.284.579</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>19.808.795.772</b>	<b>46.681.284.579</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	10.337.468.553	37.175.828.495
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		19.690.689	6.266.409
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	3.118.589.191	1.455.046.959
4. Phải trả người lao động	314		5.855.663.571	5.489.207.274
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		263.832.570	615.951.438
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	13	162.158.200	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		29.310.344	809.135.268
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	14	22.082.654	1.129.848.736
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>34.069.221.931</b>	<b>7.528.811.718</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>34.069.221.931</b>	<b>7.528.811.718</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		5.000.000.000	5.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.069.221.931	2.528.811.718
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		29.069.221.931	2.528.811.718
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>53.878.017.703</b>	<b>54.210.096.297</b>

Lê Nguyễn Quỳnh An  
 Người lập kiêm Kế toán trưởng



  
 Lê Văn Toàn  
 Giám đốc  
 Ngày 20 tháng 3 năm 2017



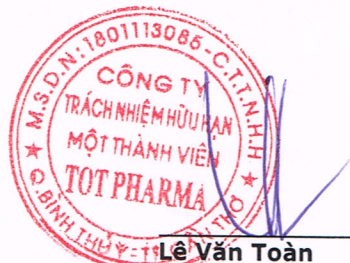


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01	16	245.574.733.433	238.634.939.349
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	13.238.757.136	29.697.358.567
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	16	232.335.976.297	208.937.580.782
4. Giá vốn hàng bán	11	17	162.142.776.883	165.379.732.536
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		70.193.199.414	43.557.848.246
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		144.900.188	95.668.505
7. Chi phí tài chính	22	19	3.905.206.677	3.996.202.381
8. Chi phí bán hàng	25	20	22.069.687.207	19.000.077.539
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	8.972.539.127	10.065.447.717
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>(30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>35.390.666.591</b>	<b>10.591.789.114</b>
11. Thu nhập khác	31	21	947.725.749	168.055.223
12. Chi phí khác	32	21	1.864.926	3.070.868
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		945.860.823	164.984.355
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>36.336.527.414</b>	<b>10.756.773.469</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	7.267.305.483	2.641.186.563
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> <b>(60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>29.069.221.931</b>	<b>8.115.586.906</b>

Lê Nguyễn Quỳnh An  
 Người lập kiêm Kế toán trưởng



Lê Văn Toàn  
 Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

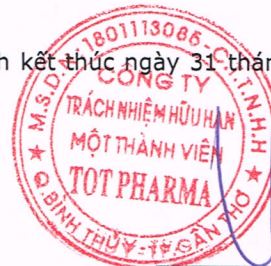
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>36.336.527.414</b>	<b>10.756.773.469</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	209.522.841	280.649.163
Các khoản dự phòng	03	6.474.462	(144.036.209)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(826.533.511)	(95.668.505)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>35.725.991.206</b>	<b>10.797.717.918</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(6.396.900.515)	35.714.441.381
Giảm hàng tồn kho	10	6.566.669.972	207.700.410
Giảm các khoản phải trả	11	(24.962.628.016)	(32.024.327.922)
Giảm chi phí trả trước	12	199.160.311	80.807.713
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.177.670.192)	(6.973.105.098)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.347.480.350)	(928.873.222)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.607.142.416</b>	<b>6.874.361.180</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23	(3.392.700.000)	(2.562.040.000)
2. Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24	3.269.423.226	3.163.304.114
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	144.900.188	95.668.505
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>21.623.414</b>	<b>696.932.619</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.210.827.450)	(10.852.136.409)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.210.827.450)</b>	<b>(10.852.136.409)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>417.938.380</b>	<b>(3.280.842.610)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>14.393.490.321</b>	<b>17.674.332.931</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>14.811.428.701</b>	<b>14.393.490.321</b>

Giao dịch trọng yếu không bằng tiền cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày ở Thuyết minh số 24.



**Lê Nguyễn Quỳnh An**  
 Người lập kiêm Kế toán trưởng



**Lê Văn Toàn**  
 Giám đốc  
 Ngày 20 tháng 3 năm 2017

00-002  
 HÁNH  
 G TY  
 M HỮU H  
 ITTE  
 NAM  
 HỒ CH

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên TOT Pharma (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1801113085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 25 tháng 02 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 vào ngày 24 tháng 11 năm 2011.

Chủ sở hữu của Công ty (Công ty mẹ) là Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 13 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 98 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 98).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là kinh doanh dược phẩm.

Hoạt động kinh doanh chính của công ty là kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị và dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm.

#### **Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm**

Vào ngày 03 tháng 10 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty mẹ thông qua việc chuyển đổi hình thức hoạt động của Công ty thành chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ. Thời gian chốt số liệu chuyển đổi là ngày 31 tháng 12 năm 2016. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, hoạt động của Công ty sẽ được thực hiện theo mô hình chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục giải thể.

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập trên giả định hoạt động liên tục.

#### **Thuyết minh về thông tin so sánh trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.





### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (ngoại trừ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đã được trình bày ở chỉ tiêu "các khoản tương đương tiền") với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

##### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối ước tính phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	6 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước chủ yếu là giá trị công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

#### **Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

#### **Chương trình dành cho khách hàng truyền thống**

Doanh thu được ghi nhận là tổng số tiền phải thu hoặc đã thu trừ đi giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua. Giá trị của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Nếu hết thời hạn của chương trình mà người mua không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng hàng hóa dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.





Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, trường hợp Công ty trực tiếp cung cấp hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu, giảm giá cho người mua: Khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với giá trị hợp lý của số hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số phải giảm giá, chiết khấu cho người mua được ghi nhận là doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ khi người mua đã nhận được hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc được chiết khấu, giảm giá theo quy định của chương trình.

Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, trường hợp bên thứ ba có nghĩa vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu, giảm giá cho người mua: Nếu hợp đồng giữa Công ty và bên thứ ba đó không mang tính chất hợp đồng đại lý, khi bên thứ ba thực hiện việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ, chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển sang doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ. Nếu hợp đồng mang tính chất đại lý, chỉ phần chênh lệch giữa khoản doanh thu chưa thực hiện và số tiền phải trả cho bên thứ ba mới được ghi nhận là doanh thu. Số tiền thanh toán cho bên thứ ba được coi như việc thanh toán khoản nợ phải trả.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## **4. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	569.213.000	1.264.887.412
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	14.242.215.701	13.128.602.909
	<b>14.811.428.701</b>	<b>14.393.490.321</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn nào được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng bảo lãnh dự thầu mà Công ty là bên được bảo lãnh (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.034.803.000 đồng).





**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu là 12 tháng. Các khoản này cũng được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng bảo lãnh dự thầu mà Công ty là bên được bảo lãnh (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: không có).

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bệnh viện Đa khoa quận Thốt Nốt	3.820.453.144	3.322.065.681
Phải thu ngắn hạn từ các bên thứ ba khác	34.851.942.786	29.137.344.368
	<b><u>38.672.395.930</u></b>	<b><u>32.459.410.049</u></b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho khách hàng vay không lãi suất theo chính sách hỗ trợ vốn có hoàn lại của Công ty.

**8. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị của các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.204.498.646	(529.972.435)	674.526.211

	Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị của các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	7.363.388.916	(513.590.343)	6.849.798.573

Chi tiết giá trị cho các khoản phải thu chiếm từ 10% trở lên trên tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi như sau:

	Số cuối năm			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn VND
Trung tâm Y tế huyện Cờ đỏ	316.349.822	(94.904.947)	221.444.875	6 tháng - 1 năm
Nhà thuốc Khỏe 2	214.683.597	(123.977.047)	90.706.550	6 tháng - 1 năm
Công ty TNHH MTV APHARCO	200.000.000	(100.000.000)	100.000.000	1 - 3 năm
Nhà thuốc Ninh Kiều	150.000.000	(45.000.000)	105.000.000	6 tháng - 1 năm

	Số đầu năm			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn VND
Nhà thuốc Khỏe 2	443.683.597	(195.540.327)	248.143.270	6 tháng - 2 năm
Nguyễn Phạm Hồng Loan	867.058.155	(260.117.447)	606.940.708	6 tháng - 1 năm

Biến động về dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm nay và năm trước như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	513.590.343	635.613.568
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	16.382.092	(122.023.225)
Số dư cuối năm	<b><u>529.972.435</u></b>	<b><u>513.590.343</u></b>





**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hoá mua từ Công ty mẹ	-	-	5.134.240.979	(9.907.630)
Hàng hoá mua ngoài	-	-	915.682.413	-
Hàng khuyến mãi	-	-	516.746.580	-
	-	-	<b>6.566.669.972</b>	<b>(9.907.630)</b>

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm nay và năm trước như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	9.907.630	31.920.614
Hoàn nhập dự phòng	(9.907.630)	(22.012.984)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>9.907.630</b>

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	1.648.138.774	12.681.818	1.660.820.592
Thanh lý, nhượng bán	(1.648.138.774)	(12.681.818)	(1.660.820.592)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	1.220.431.074	12.681.818	1.233.112.892
Khấu hao trong năm	209.522.841	-	209.522.841
Thanh lý, nhượng bán	(1.429.953.915)	(12.681.818)	(1.442.635.733)
Số dư cuối năm	-	-	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>427.707.700</b>	<b>-</b>	<b>427.707.700</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 152.705.502 đồng.

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả cho các bên thứ ba	-	256.729.157
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh 23)	10.337.468.553	36.919.099.338
	<b>10.337.468.553</b>	<b>37.175.828.495</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có khoản nợ phải trả nào quá hạn chưa thanh toán.



**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	475.213.317	4.521.246.199	(3.915.330.795)	1.081.128.721
Thuế thu nhập doanh nghiệp	839.245.544	7.267.305.483	(6.177.670.192)	1.928.880.835
Thuế thu nhập cá nhân	140.588.098	1.211.787.491	(1.243.795.954)	108.579.635
Thuế môn bài	-	2.000.000	(2.000.000)	-
	<b>1.455.046.959</b>	<b>13.002.339.173</b>	<b>(11.338.796.941)</b>	<b>3.118.589.191</b>

**13. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện doanh thu chưa thực hiện từ chương trình khách hàng truyền thống, như trình bày tại Thuyết minh số 3.

**14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Quỹ này hình thành từ việc trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Quyết định của Hội đồng Quản trị của Công ty mẹ. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho Hội đồng Thành viên.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhân viên VND	Quỹ thưởng Hội đồng Thành viên VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.129.848.736	-	1.129.848.736
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh số 15)	130.244.644	187.739.624	317.984.268
Nhận điều chuyển quỹ từ Công ty mẹ	921.730.000	-	921.730.000
Sử dụng quỹ	(2.159.740.726)	(187.739.624)	(2.347.480.350)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.082.654</b>	<b>-</b>	<b>22.082.654</b>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	5.000.000.000	5.946.675.268	10.946.675.268
Lợi nhuận thuần trong năm	-	8.115.586.906	8.115.586.906
Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	-	(10.852.136.409)	(10.852.136.409)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	(681.314.047)	(681.314.047)
Số dư đầu năm nay	5.000.000.000	2.528.811.718	7.528.811.718
Lợi nhuận thuần trong năm	-	29.069.221.931	29.069.221.931
Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	-	(2.210.827.450)	(2.210.827.450)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi nhân viên (Thuyết minh số 14)	-	(130.244.644)	(130.244.644)
Trích quỹ thưởng Hội đồng Thành viên (Thuyết minh số 14)	-	(187.739.624)	(187.739.624)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>29.069.221.931</b>	<b>34.069.221.931</b>

Theo Quyết định số 037/2015/QĐ.HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2015 và Quyết định số 14/2016/QĐ.HĐQT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Hội đồng Quản trị của Công ty mẹ về việc chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2015 về Công ty mẹ. Trong năm, Công ty đã chuyển phần lợi nhuận còn lại của năm 2015 sau khi trích 10% quỹ khen thưởng, phúc lợi.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 5.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được Công ty mẹ góp đủ.





**16. DOANH THU BÁN HÀNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng</b>		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa - hàng Công ty mẹ	193.949.550.447	178.014.187.500
Doanh thu bán hàng hóa - hàng mua ngoài	51.625.182.986	60.620.751.849
	<b><u>245.574.733.433</u></b>	<b><u>238.634.939.349</u></b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
<i>Chiết khấu thương mại</i>	13.225.061.669	28.390.487.660
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	13.695.467	1.306.870.907
	<b><u>13.238.757.136</u></b>	<b><u>29.697.358.567</u></b>
<b>Doanh thu thuần</b>		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa - hàng Công ty mẹ	181.698.822.766	149.756.829.117
Doanh thu bán hàng hóa - hàng mua ngoài	50.637.153.531	59.180.751.665
	<b><u>232.335.976.297</u></b>	<b><u>208.937.580.782</u></b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán - hàng Công ty mẹ	118.113.629.208	110.217.955.219
Giá vốn của hàng hóa đã bán - hàng mua ngoài	44.039.055.305	55.183.790.301
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.907.630)	(22.012.984)
	<b><u>162.142.776.883</u></b>	<b><u>165.379.732.536</u></b>

**18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí đồ dùng, dụng cụ, vật liệu, bao bì và giá vốn của hàng đã bán	163.777.993.378	166.359.266.363
Chi phí nhân viên	27.416.504.417	24.320.338.434
Chi phí khấu hao tài sản cố định	209.522.841	280.649.163
Chi phí dịch vụ mua ngoài	978.485.114	2.355.253.251
Chi phí khác bằng tiền	802.497.467	1.129.750.581
	<b><u>193.185.003.217</u></b>	<b><u>194.445.257.792</u></b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính thể hiện các khoản chiết khấu thanh toán phát sinh trong năm.

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	19.989.048.477	15.600.504.659
Chi phí vận chuyển	28.345.000	27.596.364
Chi phí khấu hao tài sản cố định	132.788.480	196.938.951
Chi phí nhiên liệu	960.450.427	515.065.095
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	440.136.220	377.264.329
Chi phí dịch vụ mua ngoài	371.124.750	1.999.628.355
Chi phí bằng tiền khác	147.793.853	283.079.786
	<b>22.069.687.207</b>	<b>19.000.077.539</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	7.427.455.940	8.719.833.775
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76.734.361	83.710.212
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	16.382.092	(122.023.225)
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	224.722.218	65.191.419
Thuế, phí và lệ phí	8.181.090	20.113.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	579.015.364	328.028.532
Chi phí bằng tiền khác	640.048.062	970.593.521
	<b>8.972.539.127</b>	<b>10.065.447.717</b>

**21. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ hoa hồng bán hàng	109.172.691	161.512
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	681.633.323	-
Nhập hàng khuyến mãi từ công ty khác	149.462.931	108.152.205
Thu nhập khác	7.456.804	59.741.506
	<b>947.725.749</b>	<b>168.055.223</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản khác	1.864.926	3.070.868
	<b>1.864.926</b>	<b>3.070.868</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>945.860.823</b>	<b>164.984.355</b>

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	36.336.527.414	10.756.773.469
Tính thuế ở thuế suất phổ thông 20% (năm 2015: 22%)	7.267.305.483	2.366.490.163
Điều chỉnh:		
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	-	274.696.400
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>7.267.305.483</b>	<b>2.641.186.563</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% (2015: 22%) trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị mang sang của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.





**23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan:**

**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang  
 Công ty TNHH MTV DT Pharma  
 Công ty TNHH MTV Du lịch DHG  
 Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT  
 Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST  
 Công ty TNHH MTV TG Pharma  
 Công ty TNHH MTV Bali Pharma  
 Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG  
 Công ty TNHH MTV TVP Pharma  
 Công ty TNHH MTV VL Pharma  
 Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG 1  
 Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG (\*)  
 Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
 Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn  
 Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn  
 Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn  
 Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn  
 Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn  
 Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn  
 Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn  
 Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn  
 Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn  
 Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn  
 Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn  
 Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn  
 Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn

(\*) Công ty mẹ đã hoàn tất các thủ tục giải thể Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG trong năm 2015.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	2.068.507.004	980.577.630
Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	457.777.129	6.276.430
Công ty TNHH MTV TVP Pharma	122.905.448	1.028.030.806
Công ty TNHH MTV TG Pharma	76.548.087	264.676.969
Công ty TNHH MTV Bali Pharma	44.733.079	318.499.471
Công ty TNHH MTV DT Pharma	13.331.349	73.679.607
Công ty TNHH MTV VL Pharma	11.440.716	126.879.968
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	258.300	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	-	200.290.778
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	-	21.511.898
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	-	1.999.200
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	-	7.013.623
	<b><u>2.795.501.112</u></b>	<b><u>3.029.436.380</u></b>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	145.365.634.187	133.259.123.056
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	908.198.637	1.507.957.273
Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG 1	77.259.020	91.800.000
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	-	21.336.742
	<b><u>146.351.091.844</u></b>	<b><u>134.880.217.071</u></b>
<b>Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ</b>		
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	<u>2.210.827.450</u>	<u>10.852.136.409</u>



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TOT PHARMA  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Thu nhập của các nhân sự quản lý chủ chốt được nhận trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản thu nhập khác	<u>1.392.228.572</u>	<u>1.532.489.055</u>

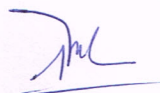
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	10.337.468.553	36.872.239.338
Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG 1	-	46.860.000
	<u><b>10.337.468.553</b></u>	<u><b>36.919.099.338</b></u>
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Công ty TNHH MTV DT Pharma	-	3.747.271
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	-	2.045.250

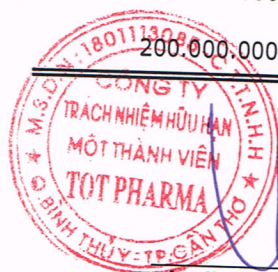
**24. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

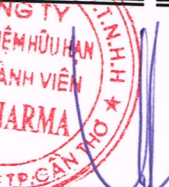
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế	317.984.268	-
Cần trừ công nợ khoản tiền mượn Công ty mẹ cho quỹ khen thưởng phúc lợi	921.730.000	-
Cần trừ công nợ khoản tiền thanh lý tài sản cố định cho Công ty mẹ	770.000.000	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định nhưng chưa thu tiền	200.000.000	-



**Lê Nguyễn Quỳnh An**  
Người lập kiêm Kế toán trưởng



  
**Lê Văn Toàn**  
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

